

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm) (Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài)

Câu 1: Tập hợp N^* được biểu diễn bằng:

- A. $\{0;1;2;3;4;5;\dots\}$. B. $\{0;1;2;3;4;5\}$. C. $\{1;2;3;4;5\}$. D. $\{1;2;3;4;5;\dots\}$.

Câu 2: Sắp xếp các số nguyên $3; -13; 17; -5; 0$ theo thứ tự **tăng dần** là:

- A. $-5; -13; 0; 3; 17$. B. $-13; 0; -5; 3; 17$. C. $17; 3; 0; -5; -13$. D. $-13; -5; 0; 3; 17$.

Câu 3: Ý nghĩa câu “**Ông A nợ ngân hàng 400 triệu đồng**” là:

- A. Ông A có 400 triệu đồng ở ngân hàng. B. Ông A có -400 triệu đồng ở ngân hàng.
C. Ông A lãi 400 triệu đồng ở ngân hàng. D. Ông A nhận 400 triệu đồng ở ngân hàng.

Câu 4: Tập hợp các số nguyên gồm:

- A. Các số tự nhiên N B. Các số tự nhiên N^*
C. Các số nguyên dương, nguyên âm và số 0. D. Các số nguyên dương, nguyên âm.

Câu 5: Số 2 là bội của các số:

- A. $-2; -1; 1; 2$. B. $0; 1; 2$. C. $1; 2; 3$. D. $2; 3; 4$.

Câu 6: Số 4 là ước của:

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 7: Cho $a = b \cdot q$ (a, b, q là các số nguyên khác 0) thì:

- A. $b \vdots a$. B. $q \vdots a$. C. $a \vdots b$. D. $b \vdots a; q \vdots a$.

Câu 8: Trong hình bình hành:

- A. Các cạnh bằng nhau. B. Các góc bằng nhau.
C. Các cạnh đối bằng nhau. D. Hai đường chéo bằng nhau.

Câu 9: Hình **không** có trục đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật. B. Hình bình hành C. Hình vuông D. Hình thoi

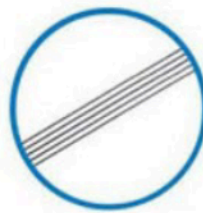
Câu 10: Trong các biển báo giao thông sau. Có bao nhiêu biển báo giao thông có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

- A. 1 biển báo. B. 2 biển báo. C. 3 biển báo. D. 4 biển báo.

Câu 11: Hình có tâm đối xứng là:

- A. Hình chữ nhật, hình thang cân B. Hình vuông, hình thang cân.
C. Hình bình hành, hình chữ nhật. D. Hình thoi, hình thang cân.

Câu 12: Trong các hình sau, hình nào có tâm đối xứng?



h.1



h.2



h.3



h.4

- A. hình 1. B. hình 2 C. hình 3 D. hình 4

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 13: (2,25 điểm)

a. Viết các số sau bằng số La Mã: 9; 17; 21

b. Không thực hiện tính tổng, hãy xét xem giá trị của tổng sau có chia hết cho 3 không? Vì sao? $S = 150 + 463 + 123$

c. Chị Hoa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 5 bông, 8 bông, 10 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hoa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hoa có khoảng từ 100 đến 150 bông.

Câu 14: (3,5 điểm)

a. Tìm số đối của bốn số sau: -1 ; -20 ; 13 ; 111

b. Hãy so sánh hai số : -179 và -279

c. Tính: $22 + (-64)$

d. Tính hợp lí: $513 + [187 - (287 + 113)]$

Câu 15: (1,25 điểm) Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 5m. Người ta lát nền căn phòng bằng những viên gạch hình vuông cạnh 5dm.

a. Tính diện tích căn phòng.

b. Tính số viên gạch dùng để lát cả căn phòng.

(Đề kiểm tra gồm 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0 điểm) (Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng trong các câu sau và ghi vào giấy làm bài)

Câu 1: Tập hợp N được biểu diễn bằng:

- A. $\{0;1;2;3;4;5;\dots\}$. B. $\{0;1;2;3;4;5\}$. C. $\{1;2;3;4;5\}$. D. $\{1;2;3;4;5;\dots\}$.

Câu 2: Sắp xếp các số nguyên $3; -13; 17; -5; 0$ theo thứ tự **giảm dần** là:

- A. $17; 3; 0; -13; -5$. B. $-5; -13; 0; 3; 17$. C. $17; 3; 0; -5; -13$. D. $-13; -5; 0; 3; 17$.

Câu 3: Ý nghĩa câu “**Công ty năm nay bị thua lỗ 30 tỉ đồng**” là:

- A. Công ty năm nay có 30 tỉ đồng. B. Công ty năm nay lãi 30 tỉ đồng.
C. Công ty năm nay lời 30 tỉ đồng. D. Công ty năm nay -30 tỉ đồng.

Câu 4: Tập hợp các số nguyên dương gồm:

- A. Các số tự nhiên N B. Các số tự nhiên N^*
C. $\{\dots; -2; -1; 0; 1; 2; \dots\}$. D. $\{1; 2; 3; 4; 5\}$.

Câu 5: Số 4 **không** là bội của các số:

- A. $-2; -1; 1; 2$. B. $4; 8$ C. $1; -2; 4$. D. $-1; 2; -4$.

Câu 6: Số 6 là ước của:

- A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 7: Cho $m = n.p$ (m, n, p là các số nguyên khác 0) thì:

- A. $n:m$. B. $p:m$. C. $n:m; p:m$. D. $m:n$.

Câu 8: Hình nào sau đây luôn có tất cả các cạnh bằng nhau?

- A. Hình bình hành. B. Hình thoi.
C. Hình chữ nhật. D. Hình thang cân.

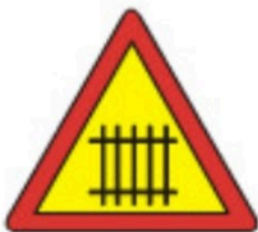
Câu 9: Hình **không** có trục đối xứng là:

- A. Hình vuông B. Hình thoi C. Hình chữ nhật. D. Hình bình hành

Câu 10: Trong các biển báo giao thông sau. Biển báo giao thông nào có trục đối xứng?



a)



b)



c)



d)

A. a, b, c.

B. a, c, d.

C. a, b, d.

D. b, c, d.

Câu 11: Hình nào sau đây **không** có tâm đối xứng?

A. Hình chữ nhật, hình bình hành

B. Hình vuông, hình chữ nhật.

C. Hình thoi, hình chữ nhật.

D. Tam giác đều, hình thang cân.

Câu 12: Hình nào sau đây **không** có tâm đối xứng:



a)



b)



c)



d)

A. hình a.

B. hình b

C. hình c

D. hình d

II. TỰ LUẬN: (7 điểm)

Câu 13: (2,25 điểm)

a. Viết các số sau bằng số La Mã: 29; 7; 26

b. Không thực hiện tính tổng, hãy xét xem giá trị của tổng sau có chia hết cho 9 không?
Vì sao? $S = 540 + 369 + 129$

c. Chị Hoa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 5 bông, 6 bông, 9 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hoa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hoa có khoảng từ 150 đến 200 bông.

Câu 14: (3,5 điểm)

a. Tìm số đối của bốn số sau: -2 ; -50 ; 31 ; 102

b. Hãy so sánh hai số : -109 và -209

c. Tính: $(-76) + 32$

d. Tính hợp lí: $756 + [253 - (353 + 256)]$

Câu 15: (1,25 điểm) Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 6m. Người ta lát nền căn phòng bằng những viên gạch hình vuông cạnh 4dm.

a. Tính diện tích căn phòng.

b. Tính số viên gạch dùng để lát cả căn phòng.

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	D	B	C	A	A	C	C	B	C	C	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Số điểm
Câu 13: (2,25 điểm)	a. Viết các số sau bằng số La Mã: 9; 17; 21 (0,75 điểm) 9 viết IX 17 viết XVII 21 viết XXI	0,25 0,25 0,25
	b. Không thực hiện tính tổng, hãy xét xem giá trị của tổng sau có chia hết cho 3 không? Vì sao? $S = 150 + 463 + 123$ (0,75 điểm) Vì 150; 123 chia hết cho 3 463 không chia hết cho 3 Vậy S không chia hết cho 3	0,25 0,25 0,25
	c. Chị Hoa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 5 bông, 8 bông, 10 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hoa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hoa có khoảng từ 100 đến 150 bông. (0,75 điểm) Gọi x là số bông sen chị Hoa có Vì số bông sen bó thành các bó gồm 5 bông, 8 bông, 10 bông thì đều vừa hết nên: $x \vdots 5; \quad x \vdots 8; \quad x \vdots 10$ và $100 < x < 150$ Suy ra: $x \in BC(5;8;10)$ $5 = 5$ $8 = 2^3$ $10 = 2.5$ $BCNN(5;8;10) = 2^3.5 = 8.5 = 40$ $BC(5;8;10) = B(40) = \{0; 40; 80; 120; 160; \dots\}$ Vì $100 < x < 150$ nên $x = 120$ Vậy chị Hoa có 120 bông sen.	0,25 0,25
Câu 14:	a. Tìm số đối của bốn số sau: $-1; -20; 13; 111$ (1 điểm) Số đối của bốn số sau: $-1; -20; 13; 111$ lần lượt là: $1; 20; -13; -111$ (HS trả lời đúng mỗi số 0,25 điểm)	1

(3,5 điểm)	b. Hãy so sánh hai số : -179 và -279 (1 điểm) $-179 > -279$	1
	c. Tính: $22 + (-64)$ (0,75 điểm) $22 + (-64) = -(64 - 22)$ $= -42$	0,5 0,25
	d. Tính hợp lí: $513 + [187 - (287 + 113)]$ (0,75 điểm) $513 + [187 - (287 + 113)] = 513 + (187 - 287 - 113)$ $= 513 + 187 - 287 - 113$ $= 513 - 113 + 187 - 287$ $= 400 - 100$ $= 300$	0,15 0,15 0,15 0,15 0,15
Câu 15: (1,25 điểm)	Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng 5m. Người ta lát nền căn phòng bằng những viên gạch hình vuông cạnh 5dm.	
	a. Tính diện tích căn phòng. b. Tính số viên gạch dùng để lát cả căn phòng. a. Tính diện tích căn phòng. (0,5 điểm) Diện tích căn phòng là: $15 \cdot 5 = 75 (m^2)$	0,5
	b. Tính số viên gạch dùng để lát cả căn phòng. (0,75 điểm) Đổi: $5dm = 0,5m$ Diện tích một viên gạch lát nền là: $0,5 \cdot 0,5 = 0,25 (m^2)$ Số viên gạch dùng để lát nền là: $75 : 0,25 = 300 (viên)$	0,25 0,25 0,25

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	C	D	B	B	A	D	B	D	C	D	B

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Số điểm
Câu 13: (2,25 điểm)	a. Viết các số sau bằng số La Mã: 29; 7; 26 (0,75 điểm)	
	29 viết XXIX	0,25
	7 viết VII	0,25
	26 viết XXVI	0,25
	b. Không thực hiện tính tổng, hãy xét xem giá trị của tổng sau có chia hết cho 9 không? Vì sao? (0,75 điểm)	
	$S = 540 + 369 + 129$	
	Vì 540; 369 chia hết cho 9	0,25
	129 không chia hết cho 9	0,25
	Vậy S không chia hết cho 9	0,25
	c. Chị Hoa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 5 bông, 6 bông, 9 bông thì đều vừa hết. Hỏi chị Hoa có bao nhiêu bông sen? Biết rằng chị Hoa có khoảng từ 150 đến 200 bông. (0,75 điểm)	
Câu 14: (3,5 điểm)	Gọi x là số bông sen chị Hoa có	
	Vì số bông sen bó thành các bó gồm 5 bông, 6 bông, 9 bông thì đều vừa hết nên:	0,25
	$x : 5; \quad x : 6; \quad x : 9$ và $150 < x < 200$	
	Suy ra: $x \in BC(5; 6; 9)$	
	$5 = 5$	
	$6 = 2.3$	
	$9 = 3^2$	
	$BCNN(5; 6; 9) = 2.3^2.5 = 90$	
	$BC(5; 6; 9) = B(90) = \{0; 90; 180; 270; \dots\}$	0,25
	Vì $150 < x < 200$ nên $x = 180$	
	Vậy chị Hoa có 180 bông sen.	0,25
Câu 14: (3,5 điểm)	a. Tìm số đối của bốn số sau: -2; -50; 31; 102 (1 điểm)	
	Số đối của bốn số sau: -2; -50; 31; 102 lần lượt là: 2; 50; -31; -102	1

	(HS trả lời đúng mỗi số 0,25 điểm)	
	b. Hãy so sánh hai số : -109 và -209 (1 điểm) $-109 > -209$	1
	c. Tính: $(-76) + 32$ (0,75 điểm) $(-76) + 32 = -(76 - 32)$ $= -44$	0,5 0,25
	d. Tính hợp lí: $756 + [253 - (353 + 256)]$ (0,75 điểm) $756 + [253 - (353 + 256)] = 756 + (253 - 353 - 256)$ $= 756 + 253 - 353 - 256$ $= 756 - 256 + 253 - 353$ $= 500 - 100 = 400$ $= 400$	0,15 0,15 0,15 0,15 0,15
Câu 15: (1,25 điểm)	Một căn phòng hình chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 6m. Người ta lát nền căn phòng bằng những viên gạch hình vuông cạnh 4dm. a. Tính diện tích căn phòng. b. Tính số viên gạch dùng để lát cả căn phòng. a. Tính diện tích căn phòng. (0,5 điểm) Diện tích căn phòng là: $10.6 = 60 (m^2)$	0,5
	b. Tính số viên gạch dùng để lát cả căn phòng. (0,75 điểm) Đổi: $4dm = 0,4m$ Diện tích một viên gạch lát nền là: $0,4.0,4 = 0,16(m^2)$ Số viên gạch dùng để lát nền là: $60 : 0,16 = 375 (viên)$	0,25 0,25 0,25